TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2023/DS-PT
Ngày 13-4-2023
V/v tranh chấp yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Ông Nguyễn Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Ấn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 479/2022/TLPT-DS ngày 21/12/2022 về việc "Tranh chấp yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 68/2023/DS-PT ngày 20 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Võ Chấn H, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp S, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1996; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người kháng cáo*: nguyên đơn ông Lê Võ Chấn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Võ Chấn H trình bày:

Năm 2020, ông Lê Võ Chấn H được bà Võ Thị C (mẹ ruột ông H) tặng cho phần đất có diện tích 1.197,7m^2, thuộc thửa số 87, tờ bản đồ số 17 tại ấp L,

xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY487666, số vào sổ cấp GCN: CS13074 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 09 tháng 12 năm 2020 cho ông Lê Võ Chấn H. Trên đất hiện có 01 nhà cấp 4, đất và nhà hiện nay ông H để cho cha mẹ ruột là ông Lê Văn Y, sinh năm 1953 và bà Võ Thị C, sinh năm 1956 sử dụng.

Phần đất ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tứ cận giáp các thửa đất sau: 85, 86, 88, 101, 704, 705 và 706. Trong đó, cạnh giáp thửa số 85 (là thửa đất của ông Nguyễn Minh T), trước đây, gia đình ông T để cho gia đình ông H 01 lối đi chiều ngang 02m, chiều dài trên 70m đi qua đất của ông T và đi ngang qua thửa 644 (là thửa đất công do Nhà nước quản lý) để ra đường công cộng, gia đình ông T xây tường rào và chừa lối đi cho gia đình ông H. Tuy nhiên, sau này gia đình ông T cản trở không cho gia đình ông H đi con đường qua đất ông T. Hiện, ông H đang đi nhờ qua thửa số 101 để ra đường công cộng, theo ông H được biết thì thửa 101 vẫn không tiếp giáp đường công cộng.

Phần đất ông H đang quản lý sử dụng, giáp các thửa 704, 705 cách đường công cộng 30m, tuy nhiên ông H được biết các chủ sử dụng đất liền kề này chuẩn bị xây dựng nhà ở, ông H không thể thương lượng mở lối đi qua các bất động sản nêu trên.

Ông H đã được Tòa án đã giải thích về việc lối đi yêu cầu mở qua đất của ông T không tiếp giáp đường công cộng, tuy nhiên ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu mở lối đi qua đất của ông Nguyễn Minh T. Lối đi yêu cầu mở có chiều ngang 03m, chiều dài hết đất ông T 86,9m, tổng cộng khoảng 260m^2. Tại đơn khởi kiện bổ sung, ông H yêu cầu mở lối có diện tích là 255m^2 thuộc thửa số 85, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Ông H đồng ý đền bù cho ông T số tiền tương ứng giá trị lối đi được mở là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:

Năm 2017, ông Nguyễn Minh T được bà Tăng Thị Hường (mẹ ruột ông T) tặng cho phần đất có diện tích 1.588m^2, thuộc thửa số 85, tờ bản đồ số 17 tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH066630, số vào sổ cấp GCN: CS05550 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 20 tháng 02 năm 2017 cho ông Nguyễn Minh T. Phần đất này hiện nay do một mình ông T quản lý sử dụng. Ông T chưa kết hôn.

Phần đất ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tứ cận giáp các thửa đất sau: 86, 87, 101, 510 và 644. Trong đó, thửa 644 là đất công do Nhà nước quản lý. Phần đất ông T quản lý sử dụng hiện không tiếp giáp đường nông thôn, lối đi hiện nay ông T đang sử dụng cũng đang đi nhờ qua thửa

644 để ra đường công cộng, lối đi qua thửa 644 có chiều dài khoảng 15m mới đến đường công cộng.

Phần đất ông Lê Võ Chấn H quản lý sử dụng là thửa 87, giáp cuối phần đất ông T đang quản lý sử dụng. Ông H có lối đi qua bất động sản khác gần hơn và tiếp giáp với đường giao thông.

Lối đi ông H yêu cầu mở qua đất của ông T là trước đây là gia đình ông H tự ý đi qua, sau này do ông H tự ý đổ đá làm đường trên phần đất ông T quản lý, sử dụng nên ông T không đồng ý cho đi qua nên ông T đã rào lại toàn bộ phần đất của ông T. Hiện ông H đang đi ra đường công cộng bằng lối đi khác.

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23 tháng 8 năm 2022, phần đất nguyên đơn yêu cầu mở lối đi có diện tích 255m^2 thuộc thửa số 85, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Phần lối đi yêu cầu mở có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp thửa đất số 510;

Phía Tây giáp giáp thửa đất số 87;

Phía Nam giáp thửa đất số 101;

Phía Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất số 85.

Trên phần đất tranh chấp có các tài sản sau: 01 hàng rào móng gạch trụ xây tô có song sắt kéo lưới B40 có diện tích 21,9m^2; 02 trụ cổng kết cấu bê tông cốt thép có thể tích 0,48m^3; 01 hàng rào xây tô diện tích 6m^2; 01 hàng rào lưới B40 diện tích 113m^2; 01 trụ bê tông cao 05m; 32 cây mai trồng năm 2022; 04 cây mít trồng năm 2022; 01 cây tắc trồng năm 2022; 01 cây trà xanh trồng năm 2017; 01 cây vú sữa trồng năm 2022; 01 cây xoài trồng năm 2022; 03 cây chuối trồng năm 2022 và 02 cây đu đủ trồng năm 2022.

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 23 tháng 8 năm 2022, tài sản tranh chấp có giá trị như sau:

Về đất khu vực 2, vị trí 2 có giá: 115.000 đồng/m^2 x 255m^2 = 29.325.000 đồng.

Về tài sản trên đất: 01 hàng rào móng gạch trụ xây tô có song sắt kéo lưới B40 có diện tích 21,9m^2 x 543.000 đồng/m^2 = 11.891.700 đồng, 02 trụ cổng kết cấu bê tông cốt thép có thể tích 0,48m^3 x 2.980.000 đồng/m^3 = 1.430.400 đồng, 01 hàng rào xây tô diện tích 6m^2 x 577.000 đồng/m^2 = 3.462.000 đồng, 01 hàng rào lưới B40 diện tích 113m^2 x 73.000 đồng/m^2 = 8.249.000 đồng, 01 trụ bê tông cao 05m giá di dời 468.000 đồng, 32 cây mai trồng năm 2022 x 11.400 đồng/cây = 364.800 đồng, 04 cây mít trồng năm 2022 x 57.000 đồng/cây = 228.000 đồng, 01 cây tắc trồng năm 2022 = 23.000 đồng, 01 cây trà xanh trồng năm 2017 = 25.000 đồng, 01 cây vú sữa trồng năm 2022 = 57.000 đồng, 01 cây xoài trồng năm 2022 = 57.000 đồng, 03 cây chuối trồng năm 2022 x 5.000 đồng/cây =

15.000 đồng, 02 cây đu đủ trồng năm 2022 x 5.000 đồng/cây = 10.000 đồng. Giá trị tài sản trên đất là 26.280.900 đồng

Tổng giá trị tài sản tranh chấp là: 55.605.900 đồng.

Tại biên bản xác minh ngày 23 tháng 8 năm 2022, công chức địa chính xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương xác định: phần đất ông Nguyễn Minh T đang quản lý, sử dụng thuộc thửa số 85, tờ bản đồ số 17 tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, thửa số 85 có tứ cận giáp các thửa đất sau: 86, 87, 101, 510 và 644, trong đó, thửa 644 là đất công do Nhà nước quản lý. Phần đất ông T đang quản lý, sử dụng không tiếp giáp đường công cộng, hiện nay ông T đi ra đường công cộng bằng cách đi nhờ qua thửa 644.

Tại biên bản làm việc ngày 25 tháng 8 năm 2022, nguyên đơn ông Lê Võ Chấn H trình bày: tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23 tháng 8 năm 2022, Tòa án đã giải thích về việc lối đi ông H yêu cầu mở qua đất của ông T không tiếp giáp đường công cộng. Ông H đã được giải thích về việc xác định lại yêu cầu khởi kiện và lựa chọn bất động sản tiếp giáp đường công cộng để yêu cầu mở lối đi qua. Tuy nhiên, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu mở lối đi qua đất của ông Nguyễn Minh T. Lối đi có chiều ngang 03m, chiều dài hết đất ông T 86,9m, tổng cộng khoảng 260m^2.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Võ Chấn H với bị đơn ông Nguyễn Minh T về việc tranh chấp yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm thi hành án về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi tuyên án, ngày 03/11/2022 của nguyên đơn ông Lê Võ Chấn H kháng cáo đề nghị phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là phù hợp, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định, do đó Tòa án xem xét, giải quyết đơn kháng cáo của nguyên đơn theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn ông Lê Võ Chấn H đứng tên quyền sử dụng đất tại thửa số 87, tờ bản đồ số 17, toạ lạc tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY487666, số vào sổ cấp GCN: CS13074 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 09 tháng 12 năm 2020 diện tích 1.197,7m^2. Hiện thửa đất của nguyên đơn bị các bất động sản liền kề vây bọc nên không có lối đi ra đường công cộng, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu mở lối đi đối với thửa đất liền kề của bị đơn Nguyễn Minh T tại thửa 85, tờ bản đồ số 17. Diện tích nguyên đơn yêu cầu 255m^2 (ngang 03m, dài 85m), nguyên đơn đồng ý trả cho bị đơn 60.000.000đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T cho rằng phần đất của ông tại thửa 85, tờ bản đồ số 17 không có tiếp giáp đường giao thông, yêu cầu của nguyên đơn mở lối đi qua đất của bị đơn, ông không đồng ý vì phần đất của nguyên đơn có tiếp giáp với các thửa đất có thể đi ra đường giao thông nông thôn gần hơn đối với đất của bị đơn.

Xét thấy, tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện:

Về nguồn gốc đất của nguyên đơn vào năm 2020 bà Võ Thị C (mẹ ruột của nguyên đơn) đã tặng cho ông H diện tích đất 1.197,7m^2 thửa đất 87, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY487666, số vào sổ cấp GCN: CS13074 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 09 tháng 12 năm 2020. Trên đất có một căn nhà cấp 4, cha mẹ ông H đang sử dụng, phần đất của nguyên đơn giáp các thửa đất như sau: 85, 86, 88, 101, 704, 705, 706.

Thửa đất số 85 là của bị đơn ông Nguyễn Minh T giáp với thửa 87 là của nguyên đơn. Ông H cho rằng trước đây gia đình bị đơn có để cho gia đình nguyên đơn sử dụng làm lối đi, chiều ngang 2m x chiều dài 70m, đi qua đất bị đơn và đi qua thửa 644 (đất công của Nhà nước) để đi ra đường công cộng. Nay bị đơn ông T rào lại không cho nguyên đơn đi và hiện nay ông H phải đi nhờ qua các thửa đất khác để đi ra đường công cộng.

Đối với phần đất của bị đơn cũng vào năm 2017, bà Tăng Thị Hường (mẹ ruột của bị đơn) tặng cho phần đất có diện tích 1.588m^2 thửa đất số 85, tờ bản đồ

số 17, toạ lạc tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ GCN: CS05550 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 20 tháng 02 năm 2017 cho ông T. Đất có tứ cận giáp với các thửa đất gồm: 86, 87, 101, 154, 644, trong đó thửa 644 là đất công do Nhà nước quản lý, phần đất bị đơn không tiếp giáp với đường giao thông nông thôn. Lối đi mà bị đơn sử dụng là đi nhờ qua thửa đất 644 để đi ra đường công cộng có chiều dài khoảng 15m. Phần lối đi nguyên đơn yêu cầu mở qua phần đất của bị đơn, do trước đây gia đình nguyên đơn tự ý sử dụng phần đất của bị đơn làm lối đi và nguyên đơn tự ý đổ đá làm đường mà không có hỏi ý kiến của bị đơn, từ đó bị đơn không đồng ý cho nguyên đơn đi qua trên phần đất của bị đơn và rào lại cho nên nguyên đơn đã đi bằng lối đi khác ra đường công cộng.

Tại Mảnh trích lục địa chính (có đo đạc chỉnh lý số 60-2022) ngày 07/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B thể hiện phần đất của nguyên đơn ông H đo đạc thực tế diện tích 1.197,7m^2 có tứ cận các thửa đất như sau: 85, 86, 88, 101, 704, 705, 706 (trong đó có thửa 85 là của bị đơn ông T).

Phần đất của bị đơn ông T đo đạc thực tế diện tích là 1.588m^2, trong đó có phần lối đi phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn mở cho nguyên đơn diện tích 255m^2 (ngang 3m x dài 85m). Đối với phần đất của bị đơn giáp với các thửa 86, 87, 101, 154, 644. Thửa đất của bị đơn đang quản lý sử dụng thể hiện không tiếp giáp với đường công cộng.

Trên phần đất tranh chấp có các tài sản của bị đơn như sau: 01 hàng rào móng gạch trụ xây tô có song sắt kéo lưới B40 có diện tích 21,9m^2; 02 trụ cổng kết cấu bê tông cốt thép có thể tích 0,48m^3; 01 hàng rào xây tô diện tích 6m^2; 01 hàng rào lưới B40 diện tích 113m^2; 01 trụ bê tông cao 05m; 32 cây mai trồng năm 2022; 04 cây mít trồng năm 2022; 01 cây tắc trồng năm 2022; 01 cây trà xanh trồng năm 2017; 01 cây vú sữa trồng năm 2022; 01 cây xoài trồng năm 2022; 03 cây chuối trồng năm 2022 và 02 cây đu đủ trồng năm 2022.

Tại biên bản xác minh ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương thể hiện xác định phần đất của nguyên đơn ông Lê Võ Chấn H có tứ cận giáp với các thửa đất như sau:

Phía Bắc giáp thửa 86;

Phía Nam giáp thửa 101;

Phía Đông giáp thửa 85;

Phía Tây giáp các thửa 88, 101, 704, 705, 706.

Trong các thửa đất tiếp giáp với các thửa đất của ông H thì có các thửa 88, 704, 705, 706 tại cạnh hướng Tây tiếp giáp với đường L 55 (LN-55). Trong đó, hiện trạng thửa đất 88 và 704 trên đất có trồng cây và đất trống, còn đối với các thửa 705, 706 hiện trạng trên đất thể hiện công trình xây dựng (nhà ở, sân…).

Đối với thửa đất 85 của ông Nguyễn Minh T thể hiện thực tế không có tiếp giáp với bất kỳ đường công cộng nào ra đường giao thông nông thôn, thể hiện tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp thửa 644 (đất nhà công vụ xã L) và thửa 86;

Phía Nam giáp thửa 101;

Phía Đông giáp 154 (510);

Phía Tây giáp thửa 87.

Trước khi phát sinh tranh chấp nguyên đơn ông Lê Võ Chấn H đi ra đường công cộng bằng cách đi nhờ qua thửa 85 và thửa 644. Còn hiện nay, ông H đi ra đường công cộng (đường LN-55) bằng cách đi nhờ qua thửa 88 (khoảng 30m).

Xét phần đất của nguyên đơn có vị trí nằm trong thửa đất thuộc quyền sử dụng của bị đơn. Nguyên đơn là chủ sở hữu bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có lối đi ra đường công cộng, nguyên đơn có quyền yêu cầu các chủ sở hữu bất động sản bị vây bọc dành cho lối đi hợp lý trên phần đất của họ. Tuy nhiên, lối đi nguyên đơn yêu cầu mở là lối đi qua phần đất của bị đơn ông T và ông T cũng là chủ bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có lối đi ra đường công cộng. Ngoài đất của bị đơn ông T, còn có các thửa đất khác tiếp giáp với đường giao thông phù hợp cho việc mở lối đi của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm đã giai thích cho nguyên đơn về việc yêu cầu mở lối đi qua đất bị đơn ông T và đất của ông T không tiếp giáp với đường công cộng. Tuy nhiên phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu mở lối đi qua đất của bị đơn.

Như vậy căn cứ theo Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015, lối đi mà nguyên đơn yêu cầu mở là không phù hợp và không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên nguyên đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí phúc thẩm: ông Lê Võ Chấn H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Võ Chấn H.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Võ Chấn H phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm ông H đã nộp theo Biên lai số 0009382 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND huyện B;
- Các đương sự;
- Tổ hành chính tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Dũng